

Bản án số: 157/2023/DS-ST

Ngày: 21/11/2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Hoàng Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Hồng Hạnh

2. Ông Lê Hoàng Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lư - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:54/2023/TLST-DS ngày 03/3/2023, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 569/2023/QĐXXST-DS ngày 10/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 579/2023/QĐST-DS ngày 30/10/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Ph**, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp Tr, xã Tr1, huyện T, Thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Hồ Văn P, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: 378E12/7A, khu vực 3, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ.

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Cạnh 329A, Nguyễn Văn L, phường A, quận N, Thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:*

2.1 Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1978

2.2 Bà **Huỳnh Thị Thanh T1**, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Ấp Tr, xã Tr1, huyện T, Thành phố Cần Thơ (bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến năm 2020, bà Huỳnh Thị Thanh T1 và ông Nguyễn Thanh T có vay tiền của bà Nguyễn Thị Cẩm Ph nhiều lần cụ thể như sau: Ngày 25/5/2019, vay số tiền 200.000.000 đồng, ngày 09/7/2019, vay số tiền 200.000.000 đồng, ngày 11/01/2020, vay 200 chỉ vàng 24K, ngày 11/4/2020, vay số tiền 450.000.000 đồng, ngày 19/4/2020, vay 50 chỉ vàng 24K, ngày 04/5/2020, vay số tiền 100.000.000 đồng, ngày 04/8/2020, vay số tiền 40.000.000 đồng. Tất cả các lần vay trên bà T1 đều có viết biên nhận nợ. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ bà T1 không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 trả 250 chỉ vàng và số tiền gốc, lãi tổng cộng 1.247.384.000 đồng.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không rõ ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng; đối với thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự như nguyên đơn, bị đơn, chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, Viện kiểm sát cho rằng, mặc dù bị đơn vắng mặt nhưng căn cứ Kết luận giám định chứng minh được bị đơn có vay tiền, vàng của nguyên đơn nhiều đợt như các biên nhận nợ nguyên đơn đã cung cấp, do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng việc bị đơn có vay tiền nhiều lần nhưng đến hạn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do bị đơn có địa chỉ tại huyện Thới Lai nên căn cứ điều 26, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt nên căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng, trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến 2020, bà T1 có vay tiền và vàng của bà Ph nhiều lần, cụ thể: Ngày 25/5/2019, vay số tiền 200.000.000 đồng, ngày 09/7/2019, vay số tiền 200.000.000 đồng, ngày 11/01/2020, vay 200 chỉ vàng 24K, ngày 11/4/2020,

vay số tiền 450.000.000 đồng, ngày 19/4/2020, vay 50 chỉ vàng 24K, ngày 04/5/2020, vay số tiền 100.000.000 đồng, ngày 04/8/2020, vay số tiền 40.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn có cung cấp 05 biên nhận nợ, do bị đơn vắng mặt nên không xác thực được việc có phải do bà T1 ký tên hay không. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định tại Phân viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết quả: *“Chữ ký, chữ viết họ tên Huỳnh Thanh T1 trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Huỳnh Thị Thanh T1 trên các mẫu so sánh do cùng một người ký, viết ra”*.

Tại các biên nhận nợ ghi tên Huỳnh Thanh T1 nhưng căn cứ kết quả giám định, việc xác minh tại địa phương, cho thấy bà T1 hành nghề kinh doanh vàng bạc. Về nội dung trên các tờ biên nhận thể hiện số tiền, vàng mượn rõ ràng. Từ đó, có cơ sở xác định người vay tiền của bà Ph là bà Huỳnh Thị Thanh T1 như đơn khởi kiện của nguyên đơn đúng.

[4] Về yêu cầu buộc ông Nguyễn Thanh T cùng có nghĩa vụ trả số nợ trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, ông T và bà T1 hiện đang là vợ chồng, quá trình bà T1 vay tiền ông T có biết và tiền vay vợ chồng sử dụng vào việc kinh doanh vàng bạc. Do đó, cần buộc bà T1, ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ph số tiền này.

[5] Về yêu cầu mức lãi suất và thời hạn tính lãi: Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 1%/tháng và thời hạn tính lãi, nguyên đơn chỉ yêu cầu từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày nộp đơn khởi kiện là phù hợp với quy định pháp luật. Cụ thể số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 257.384.000 đồng.

Từ những phân tích trên, xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn.

[6] Về chi phí giám định: Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 10.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

[7] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, điều 188, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468, Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm Ph.

1.1 Buộc bà Huỳnh Thị Thanh T1 và ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm Ph 250 (Hai trăm năm mươi) chỉ vàng 24K.

1.2 Buộc bà Huỳnh Thị Thanh T1 và ông Nguyễn Thanh T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm Ph số tiền tổng cộng là 1.247.384.000 đồng (Một tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, không bao gồm 250 chỉ vàng 24K) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 375, Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3 Về chi phí giám định: Bị đơn phải trả lại số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) cho nguyên đơn.

1.4 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu số tiền 106.058.000 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu, không trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục THADS huyện Thới Lai;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Diệp Hoàng Giang